

Số: 59/2022/QĐST-DS

N, ngày 23 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các điều 48, 217, 218, 219, khoản 2 Điều 273 và khoản 4 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: Người khởi kiện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 203/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Địa chỉ: Số a đường N, phường x, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Minh T – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: bà Vũ Thị Đ – Giám đốc phòng quản lý nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần A (Văn bản ủy quyền số 428/UQ-QLN.19 ngày 26-6-2019). Bà Đ ủy quyền lại cho ông Châu Văn H – Nhân viên Ngân hàng Thương mại cổ phần A tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số 1184/UQ-QLN.21 ngày 03-12-2021.

Bị đơn: vợ chồng ông Nguyễn Văn H – Sinh năm: 1976 và bà Phan Thị Thanh H – Sinh năm: 1977.

Địa chỉ: thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- + Người khởi kiện có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án;
- + Về chi phí tố tụng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 1.500.000 đồng, đã nộp đủ.

+ Về án phí: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 45.848.373 đồng (bốn mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002194 ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Văn Tùng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST- KDTM).
- (3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).
- (4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).
- (5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).
- (9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).
- (10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).